

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGÔ QUYỀN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/KDTM-ST  
Ngày 29-9-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lý Thị Thiên Nga

Phạm Thị Bẩm

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng xây dựng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-KDTM ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Công ty Cổ phần Đầu tư P V (viết tắt Công ty P V); địa chỉ trụ sở: Số 37 đường H V T, Phường 15, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

***Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Trần V T; nơi cư trú: Tầng 7, B14 Khu đấu giá Vạn Phúc phố L, phường V, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 17/2020/GUQ-PV ngày 01/7/2020); vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T (viết tắt Công ty C T T); địa chỉ trụ sở: Số 58 đường Phạm Minh Đức, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Bà Nguyễn Thị K L; chức vụ Phó giám đốc công ty; là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền số 44/UQ-CTT ngày 15/7/2021); có mặt tại phiên tòa (vắng mặt khi tuyên án).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/12/2016 Công ty Cổ phần Đầu tư P V (sau đây gọi là “P V”) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T (sau đây gọi là “C T T”) ký Hợp đồng kinh tế Số 43/HDKT-2016 (sau đây gọi là “Hợp đồng kinh tế”). Nội dung Hợp đồng kinh tế là P V thực hiện gói thầu “Sản xuất và cung cấp cọc bê tông ly tâm ứng suất trước D600B và D700C” cho công trình Bến cập tàu cầu dẫn dự án Nam Đình Vũ. Nội dung công việc được liệt kê tại Điều 1 Hợp đồng kinh tế. Tổng giá trị hợp đồng là 43.392.960.000 đồng. Thời gian P V cung cấp và thi công cọc là 75 ngày.

Theo thỏa thuận tại mục 2.1 Hợp đồng kinh tế thì tiến độ thanh toán được quy định như sau: “Tạm ứng: 5% giá trị hợp đồng trong 7 ngày kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng. Thanh toán các đợt: Thanh toán hàng tháng theo khối lượng, giá trị hàng giao đến công trường. vào ngày 25 hàng tháng hai bên chốt khối lượng, giá trị giao hàng trong tháng. Bên A thanh toán cho Bên B đến 85% giá trị hoàn thành trong tháng. Giá trị thanh toán bao gồm thuế GTGT. 10% còn lại thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai Bên ký hồ sơ quyết toán và Bên B gửi Bảo lãnh bảo hành bằng bảo lãnh Ngân hàng. Giá trị thanh toán bao gồm thuế GTGT. Bảo lãnh bảo hành có giá trị trong vòng 1 năm kể từ ngày xuất.”

Theo quy định tại mục 2.2 Hồ sơ thanh toán gồm: “c. Quyết toán: Công văn đề nghị thanh toán; Bảng Quyết toán khối lượng, giá trị thực hiện; Hồ sơ nghiệm thu, hoàn công; Hóa đơn Giá trị gia tăng. d) Đợt cuối: Công văn đề nghị thanh toán; Bảo lãnh bảo hành”.

Ngay sau khi ký kết hợp đồng, P V đã thực hiện sản xuất và thi công cọc theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế.

Sau khi thi công các khối lượng công việc theo Hợp đồng kinh tế, P V đã thực hiện xuất chứng thư bảo lãnh bảo hành và gửi hồ sơ thanh toán đợt cuối quy định tại điểm mục 2.2.2d Điều 2. Hai bên đã tiến hành ký hồ sơ quyết toán vào ngày 10/7/2018

Sau khi nhận được toàn bộ hồ sơ thanh toán như đã thỏa thuận tại Hợp đồng cung cấp cọc, mặc dù đã hết thời hạn bảo hành công trình nhưng cho đến thời điểm này C T T chưa thanh toán cho P V số tiền còn lại là: 3.492.904.000 đồng.

P V thấy rằng, đến thời điểm hiện tại C T T chưa thanh toán cho P V số tiền 3.492.904.000 đồng là vi phạm nghiêm trọng quyền lợi của P V, bởi: Hợp đồng kinh tế Số 43/HDKT-2016 được hai bên ký kết ngày 15/12/2016 giữa P V và C T T dựa trên sự tự nguyện của các bên, nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của pháp luật, người ký kết đúng thẩm quyền, do vậy Hợp đồng kinh tế có hiệu lực và buộc các bên phải thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ đã thỏa thuận. Sau khi cung cấp và thi công cọc xong P V đã gửi hồ sơ thanh toán lần cuối, hai bên không phát sinh tranh chấp về các nội dung liên quan đến Hợp đồng kinh tế, vì vậy việc C T T không thanh toán tiền theo hợp đồng là vi phạm thỏa thuận thanh toán tại Điều 2 Hợp đồng kinh tế. Do vậy, Công ty Cổ phần Đầu tư P V đề nghị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền giải quyết:

- Yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư P V số tiền 3.492.904.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu, chín trăm linh tư nghìn đồng), là tiền công nợ theo Hợp đồng kinh tế số 43/HDKT-2016 được hai bên ký kết ngày 15/12/2016.

- Yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư P V số tiền lãi chậm thanh toán theo Hợp đồng kinh tế là: 565.466.287 đồng.

\* Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị K L trình bày:

Bị đơn không thừa nhận số nợ đối với Công ty Cổ phần Đầu tư P V không phải là 3.492.904.000 đồng do trước khi ký kết Hợp đồng kinh tế số 43/HDKT-2016 ngày 15/12/2016, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T có tạm ứng số tiền là 100.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Bê tông P V Hải Dương. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đầu tư P V còn chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T một khoản chi phí nữa là hạng mục thi công đóng cọc thử D700 và D600 của dự án bến thủy Vịnh Đồng Hồ, đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng trị giá 191.620.660 đồng. Việc ứng cọc số tiền 100.000.000 đồng nêu trên và số nợ 191.620.660 đồng thi công hạng mục đóng cọc mà Công ty Cổ phần Đầu tư P V còn thiếu không liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 43/HDKT-2016 ngày 15/12/2016 mà hai bên đã ký kết Tuy nhiên Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T muốn nguyên đơn đối trừ luôn khoản nợ này.

Ngoài ra, số tiền 3.492.904.000 đồng mà nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ, đến thời điểm khởi kiện chưa có đối chiếu công nợ nên bị đơn không thừa nhận khoản nợ này.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm gửi cho Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu phía nguyên đơn khởi kiện đòi 3.492.904.000 đồng, ngày 25/12/2020 phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 1.000.000.000 đồng. Vì vậy trước phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 2.492.904.000 đồng và số tiền lãi được tính đến ngày 29/9/2021 như sau: Theo quy định tại khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng số 43 thời điểm Công ty P V xác định Công ty C T T phải thanh toán là sau 30 ngày kể từ thời điểm hồ sơ quyết toán. Thời gian ký hồ sơ quyết toán là ngày 10/7/2018. Như vậy thời điểm chậm thanh toán tiền của bị đơn được tính từ ngày 10/8/2018. Tính lãi giai đoạn 1 của số tiền 3.492.904.000 đồng là từ ngày 10/8/2018 đến ngày 25/12/2020 số ngày lãi quá hạn là 868 ngày, lãi suất trung bình là 10%. Số tiền lãi là:  $(3.492.904.000 \times 868):360 \times 10\% = 842.177.964$  đồng. Tính lãi giai đoạn 2 của 2.492.904.000 đồng, được tính từ ngày 25/12/2020 đến ngày 29/9/2021 số ngày lãi quá hạn là 267 ngày. Số tiền lãi là  $(2.492.904.000 \times 267):360 \times 10\% = 184.890.380$  đồng.

Tổng số tiền lãi phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

$$842.177.964 \text{ đồng} + 184.890.380 \text{ đồng} = 1.027.068.344 \text{ đồng}$$

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn cả gốc và lãi là:

$$2.492.904.000 \text{ đồng} + 1.027.068.344 \text{ đồng} = 3.519.972.344 \text{ đồng}.$$

Đối với việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn khấu trừ số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T tạm ứng số tiền là 100.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Bê tông P V Hải Dương và số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư P V còn chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T một khoản chi phí nữa là hạng mục thi công đóng cọc thử D700 và D600 của dự án bến thủy Vịnh Đồng Hồ, đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng trị giá 191.620.660 đồng. Quan điểm của nguyên đơn cho rằng việc ứng cọc số tiền 100.000.000 đồng nêu trên và số nợ 191.620.660 đồng thi công hạng mục đóng cọc không liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 43/HDKT-2016 ngày 15/12/2016 mà hai bên đã ký kết. Do đó, nguyên đơn không đồng ý với quan điểm này của bị đơn.

Bị đơn thừa nhận còn nợ phía Công ty P V số tiền là 2.492.904.000 đồng nhưng phía nguyên đơn phải trừ số tiền phía bị đơn đã thực hiện là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T tạm ứng số tiền là 100.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Bê tông P V Hải Dương và số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư P V còn chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T một khoản chi phí nữa là hạng mục thi công đóng cọc thử D700 và D600 của dự án bến thủy Vịnh Đồng Hồ, đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng trị giá 191.620.660 đồng.

Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 385, 513, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 112, 113, 138, 139, 140, 144, 146, 147 Luật Xây dựng năm 2014; căn cứ các Điều 303, 306 Luật Thương mại năm 2005; căn cứ khoản 3 Điều 6, Điều 19, 20, 22, 27, 28 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; căn cứ khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư P V số tiền là 3.519.972.344 đồng trong đó số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 2.492.904.000 đồng, số tiền lãi chậm thanh toán là 1.027.068.344 đồng. Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1] Công ty P V khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết buộc Công ty C T T phải trả nợ theo Hợp đồng kinh tế số 43/HDKT-2016 ngày 15/12/2016 đã được ký kết. Đây là tranh chấp Hợp đồng xây dựng, phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích lợi nhuận. Bị đơn có địa chỉ trụ sở hoạt động trên địa bàn quận Ngô Quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn Công ty P V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền giải quyết vắng mặt. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về nội dung tranh chấp và pháp luật điều chỉnh:

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Hợp đồng kinh tế Số 43/HDKT-2016 ngày 15/12/2016 đã được ký kết giữa Công ty P V và Công ty C T T về việc sản xuất và cung cấp cọc bê tông ly tâm ứng suất trước D600B và D700C. Đây là hợp đồng gia công được quy định tại khoản 1 Điều 542 Bộ luật Dân sự 2015 và điểm b khoản 2 Điều 140 Luật Xây dựng năm 2014. Khi giao kết các bên đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật, vì vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng xây dựng phía Công ty P V đã thực hiện xong các hạng mục theo đúng hợp đồng ký kết và đã bàn giao cho phía Công ty C T T đưa vào sử dụng theo đúng quy định tại Điều 549 Bộ luật dân sự. Hai bên đã tiến hành lập các hồ sơ quyết toán công trình và ký xác nhận quyết toán tổng giá trị hợp đồng. Sau khi đối trừ đi số tiền tạm ứng, Công ty C T T còn phải thanh toán cho Công ty P V số tiền 3.492.904.000 đồng nhưng Công ty C T T đã không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 552 Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày 10/8/2018 Công ty P V yêu cầu Công ty C T T trả nợ nhưng không trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty P V là có căn cứ và được chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu tính lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận cụ thể:

[4] Tính lãi giai đoạn 1 của số tiền 3.492.904.000 đồng là từ ngày 10/8/2018 đến ngày 25/12/2020 số ngày lãi quá hạn là 868 ngày, lãi suất trung bình là 10%. Số tiền lãi là:  $(3.492.904.000 \text{ đồng} \times 868) : 360 \times 10\% = 842.177.964 \text{ đồng}$ .

[5] Tính lãi giai đoạn 2 của 2.492.904.000 đồng, được tính từ ngày 25/12/2020 đến ngày 29/9/2021 số ngày lãi quá hạn là 267 ngày. Số tiền lãi là  $(2.492.904.000 \text{ đồng} \times 267) : 360 \times 10\% = 184.890.380 \text{ đồng}$ .

[6] Tổng số tiền lãi phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:  $842.177.964 \text{ đồng} + 184.890.380 \text{ đồng} = 1.027.068.344 \text{ đồng}$ .

[7] Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn cả gốc và lãi là:  $2.492.904.000 \text{ đồng} + 1.027.068.344 \text{ đồng} = 3.519.972.344 \text{ đồng}$ . Buộc công ty C T T phải trả cho công ty P V số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 3.519.972.344 đồng.

[8] Quan điểm Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T có tạm ứng số tiền là 100.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Bê tông P V Hải Dương. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đầu tư P V còn chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T một khoản chi phí nữa là hạng mục thi công đóng cọc thử D700 và D600 của dự án bến thủy Vịnh Đồng Hồ, đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố

Hải Phòng trị giá 191.620.660 đồng. Việc ứng cọc số tiền 100.000.000 đồng nêu trên và số nợ 191.620.660 đồng thì công hạng mục đóng cọc mà Công ty Cổ phần Đầu tư P V còn thiếu không liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 43/HDKT-2016 ngày 15/12/2016 mà hai bên đã ký kết Tuy nhiên Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T muốn nguyên đơn đối trừ luôn khoản tiền này. Phía Công ty P V không chấp nhận việc đối trừ này vì nó là quan hệ khác và quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn không đưa ra được các chứng cứ có căn cứ để đối trừ, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm không đối trừ của Công ty P V và giải quyết bằng một vụ việc khác là có căn cứ.

- Về án phí:

[9] Do yêu cầu khởi kiện của Công ty P V được chấp nhận nên Công ty C T T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Số tiền Công ty C T T phải chịu án phí là  $72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times (3.519.972.344 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) = 102.399.446 \text{ đồng}$ .

[10] Trả cho Công ty P V số tiền tạm ứng án phí 56.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006744 ngày 06 tháng 11 năm 2020.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 173 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 385, 542, 549 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 112, 113, 138, 139, 140, 144, 146, 147 Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ các điều 303, 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2,4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư P V:

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư P V số tiền là 3.519.972.344 đồng. Trong đó tiền gốc là 2.492.904.000 đồng và tiền lãi là 1.027.068.344 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

### 3. Về án phí

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T phải chịu 102.399.446 đồng đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư P V số tiền tạm ứng án phí 56.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006744 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần Đầu tư P V và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C T T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Giang**